

CTCP TẬP ĐOÀN KIDO | (KDC-HOSE)

Báo cáo cập nhật KQKD

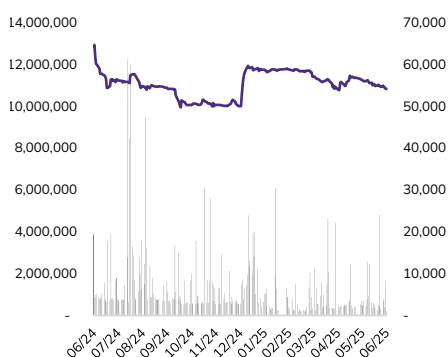
Kiều Thị Thanh Thu

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thực phẩm
Ngày báo cáo	: 06/06/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 53.500
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 15.505
SLCPLH (CP)	: 289.806.316

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	1Q24	1Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-11,9%	18,2%
Tăng trưởng LNST (%)	NA	-892,2%
Biên LNG (%)	19,8%	16,6%
Biên LNST (%)	0,5%	-3,5%
ROA (%)	3,51%	-0,34%
ROE (%)	6,05%	-0,64%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,38	0,63
EPS (VND/CP)	33	-260
BVPS (VND/CP)	23.474	22.589

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Chi phí cao bào mòn lợi nhuận

- KQKD Q1/2025 ghi nhận doanh thu tăng nhưng lợi nhuận suy giảm mạnh do chi phí tăng cao.
 - ✓ Doanh thu thuần Q1/2025 của KDC đạt 2.146 tỷ đồng (+18,2% svck). Lợi nhuận gộp đạt 356,7 tỷ đồng (-0,7% svck). Biên LNG sụt giảm sâu 3,2 điểm % svck, xuống chỉ còn 16,6%.
 - Doanh thu mảng dầu ăn đạt 1.674 tỷ đồng (+12,5% svck), doanh thu mảng thực phẩm đạt 402,3 tỷ đồng (+22,8% svck). Biên LNG của cả hai mảng chính là dầu ăn và thực phẩm đều sụt giảm svck. Trong đó, biên LNG mảng dầu ăn giảm 2,9 điểm % svck, xuống còn 12,8%, và biên LNG mảng thực phẩm giảm 3,6 điểm % svck, xuống còn 34,5%.
 - Xét cơ cấu doanh thu theo thành phẩm sản xuất, hàng hóa và dịch vụ thì mảng thành phẩm của KDC chứng kiến sự suy giảm về cả doanh thu và biên LNG. Doanh thu TPSX đạt 1.663 tỷ đồng (-1,7% svck), biên LNG mảng thành phẩm SX giảm từ 25,8% trong Q1/2024 xuống chỉ còn 8,3% trong Q1/2025. Trong khi đó doanh thu hàng hóa tăng mạnh 131% svck, lên 474 tỷ đồng. Biên LNG hàng hóa cũng tăng rất mạnh, từ mức 3,8% trong Q1/2024 lên 48,8% trong Q1/2025. Đóng góp đến 65% LNG của KDC trong quý này là mảng hàng hóa.
 - ✓ Chi phí BH & QLDN ở mức 406,4 tỷ đồng (+17,6% svck), tỷ lệ chi phí BH&QLDN/DTT giảm nhẹ 0,1 điểm % svck, xuống còn 18,9%. Tỷ lệ này tuy giảm nhưng vẫn lớn hơn biên LNG khiến KDC lỗ HĐSXKD cốt lõi.
 - ✓ Hoạt động tài chính cũng ghi nhận mức lỗ 19,4 tỷ đồng trong Q1/2025 (cùng kỳ năm ngoái lãi 12,7 tỷ đồng) do lãi tiền gửi giảm 17,5% svck, xuống còn 28,7 tỷ đồng, trong khi chi phí lãi vay tăng 51,4% svck, lên 42,1 tỷ đồng và chi phí tài chính khác ghi nhận 10,4 tỷ đồng (cùng kỳ ghi nhận 0,5 tỷ đồng).
 - ✓ Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ ghi nhận lỗ 75,5 tỷ trong Q1/2025. Với kế hoạch doanh thu thuần 13.000 tỷ đồng và LNTT 800 tỷ đồng, KDC còn cách kế hoạch năm 2025 rất xa.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA KDC Q1/2025 & NĂM 2024

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	1Q24	1Q25	%YoY	2023	2024	%YoY
Doanh thu thuần	1.815	2.146	18,2%	8.650	8.324	-3,8%
Lợi nhuận gộp	359,2	356,7	-0,7%	1.536,2	1.512,1	-1,6%
Biên lợi nhuận gộp (%)	19,8%	16,6%		17,8%	18,2%	
Chi phí BH & QLDN	-345,5	-406,4	17,6%	-1.603,1	-1.590,8	-0,8%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	19,0%	18,9%		18,5%	19,1%	
Doanh thu tài chính	41,9	33,7	-19,5%	1.330,2	163,2	-87,7%
Chi phí tài chính	-29,2	-53,2	82,2%	-1.016,9	-135,6	-86,7%
Chi phí lãi vay	-27,8	-42,4	52,8%	-241,0	-130,7	-45,7%
Lợi nhuận từ HĐKD	44,9	-47,8	-206,5%	321,7	99,2	-69,2%
Lợi nhuận trước thuế	44,4	-47,0	-205,9%	323,1	104,8	-67,6%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	9,5	-75,5	-892,2%	143,2	37,3	-73,9%
Biên lợi nhuận ròng (%)	0,5%	-3,5%		1,7%	0,4%	

Nguồn: KDC, ABS Research

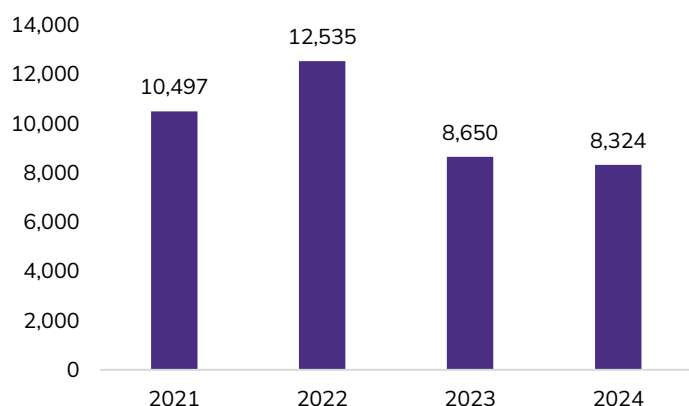
- KQKD giai đoạn 2021-2024: lợi nhuận giảm sút mạnh, dòng tiền bất ổn.**

- ✓ Doanh thu thuần KDC tăng từ 10.497 tỷ đồng năm 2021 lên mức doanh thu kỷ lục 12.535 tỷ đồng năm 2022 sau đó giảm liên tiếp trong hai năm tiếp theo xuống còn lần lượt 8.650 tỷ đồng và 8.324 tỷ đồng trong năm 2023 và 2024. Biên LNG của KDC giảm dần từ 19,5% trong năm 2021 xuống 18,1% năm 2022, 17,8% năm 2023 và tăng nhẹ lên mức 18,2% năm 2024.

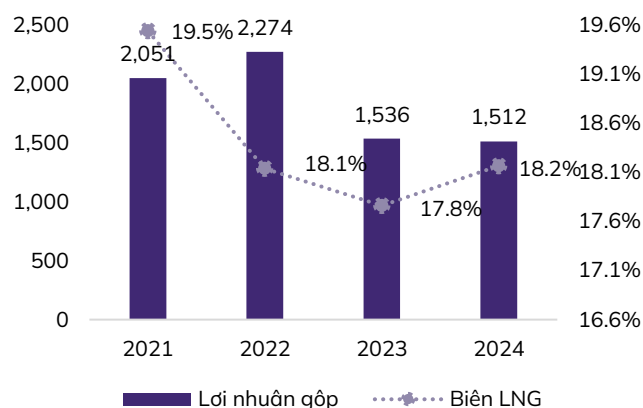
- **Mảng dầu ăn:** vẫn là mảng chủ lực với 80% doanh thu đến từ mảng này, tuy nhiên biên lợi nhuận thấp.

- Giai đoạn 2020-2024, doanh thu mảng dầu ăn của KDC biến động khá lớn. Doanh thu năm 2021, 2022 tăng trưởng rất mạnh 28,7% và 16% svck, đạt lần lượt 8.904 tỷ đồng và 10.325 tỷ đồng, sau đó sụt giảm mạnh chỉ còn 6.327 tỷ đồng trong năm 2023 (-38,7% svck), trước khi nhích nhẹ 5,9% lên mức 6.703 tỷ đồng trong năm 2024.
- Biên lợi nhuận gộp của mảng dầu ăn rất mỏng và chịu ảnh hưởng nhiều bởi biến động thị trường do phần lớn nguyên liệu đầu vào là dầu cọ, dầu nành nhập khẩu. Biên LNG giai đoạn 2021-2024 dao động trong khoảng 9,7% đến 14,3%. Biên LNG mảng dầu ăn của KDC gần như ngay lập tức thu hẹp lại khi giá dầu cọ tăng lên. Nguyên nhân đến từ: (1) mảng dầu ăn với nguyên liệu dầu cọ là phân khúc dầu ăn giá rẻ, thị trường rất cạnh tranh (các đối thủ của Tường An có thể kể đến Simply, Neptune, Meizan hiện có giá bán trên thị trường ở mức tương đương, thậm chí thấp hơn so với Tường An), KDC sẽ khó chuyển phần tăng giá NVL sang giá bán; (2) KDC sử dụng phương pháp tính HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, do vậy việc tăng giảm giá NVL gần như ngay lập tức phản ánh vào giá vốn.

Doanh thu thuần KDC giai đoạn 2021-2024

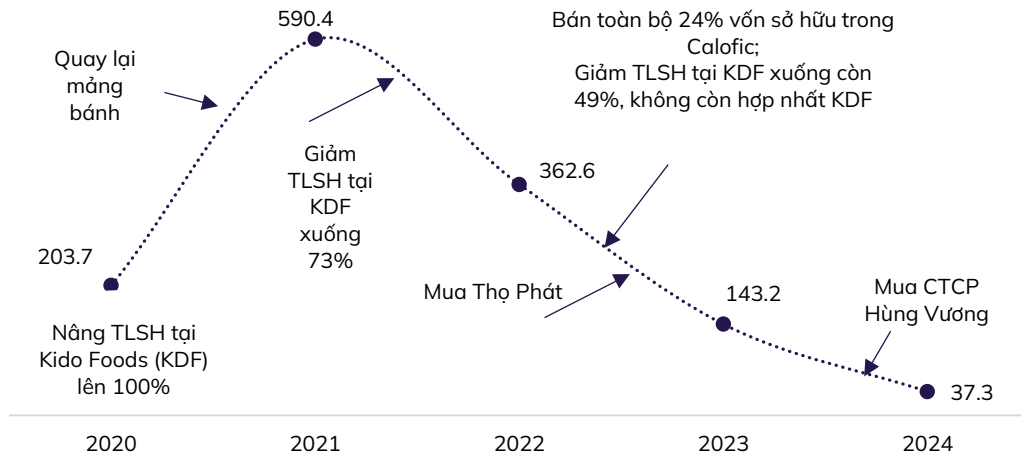


LNG và biên LNG của KDC giai đoạn 2021-2024



Nguồn: KDC, ABS Research

LNST cổ đông công ty mẹ và những thay đổi trong cơ cấu kinh doanh của KDC giai đoạn 2020-2024



Nguồn: KDC, ABS Research

- **Mảng thực phẩm:** đóng góp lớn vào biên lợi nhuận gộp, tuy nhiên hiệu quả giảm sút sau khi thoái bớt vốn khỏi Kido Food (KDF).
 - Doanh thu thuần mảng thực phẩm của KDC giai đoạn 2021-2022 tăng trưởng 8,3% và 21,1% svck, đạt lần lượt 1.522 tỷ đồng và 1.843 tỷ đồng sau khi KDC quay trở lại với mảng bánh. Tuy nhiên doanh thu thuần sụt giảm mạnh 23,9% trong năm 2023, xuống còn 1.403 tỷ đồng do KDC thoái 24% vốn khỏi KDF và không còn hợp nhất ngành lạnh (mảng kem, sữa) vào báo cáo tài chính, phần doanh thu tăng thêm từ việc bán bánh bao Thọ Phát không đủ để bù đắp sự sụt giảm của ngành lạnh. Doanh thu năm 2024 mảng thực phẩm của KDC tiếp tục giảm nhẹ thêm 0,3% trong năm 2024, xuống còn 1.399 tỷ đồng.
 - Biên lợi nhuận gộp mảng thực phẩm năm 2021-2022 ở mức rất cao (53,2%-58,8%) do sự đóng góp chủ yếu của ngành hàng lạnh vốn có biên lợi nhuận lớn, lên đến 59%. Biên lợi nhuận mảng này sụt giảm mạnh xuống mức 33,7% và 35,8% trong năm 2023 và 2024 sau khi KDF không còn hợp nhất vào KQKD của KDC. Tuy nhiên so với các doanh nghiệp kinh doanh ngành hàng bánh kẹo khác như HHC, HNF, BBC và BNA, biên LNG mảng này của KDC đang ở mức tốt hơn các doanh nghiệp cùng ngành.
- **Mảng khác:** tháng 9/2024, KIDO hoàn tất mua 75,39% cổ phần của Công ty cổ phần Hùng Vương (“Hùng Vương”), chính thức trở thành cổ đông chi phối. Hùng Vương đóng góp 84,4 tỷ đồng doanh thu và 58,5 tỷ đồng lợi nhuận gộp cho KIDO trong năm 2024.
 - ✓ Tỷ lệ chi phí BH&QLDN/DTT có chiều hướng tăng dần và vượt biên LNG khiến cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của KDC bị lỗ trong các năm 2023 và 2024. Sau khi thoái vốn và ngừng hợp nhất KDF, bắt đầu hợp nhất Thọ Phát năm 2023, chi phí BH&QLDN của KDC giảm 13,6% từ 1.855 tỷ đồng năm 2022 xuống còn 1.603 tỷ đồng trong năm 2023, và tiếp tục giảm 0,8% xuống còn 1.591 tỷ đồng năm 2024. Tuy nhiên, do doanh thu thuần giảm mạnh hơn (-31% năm 2023 và -3,8% năm 2024) cùng với biên LNG không được cải thiện khiến KDC bị lỗ hoạt động kinh doanh cốt lõi.
 - ✓ Lãi từ công ty liên doanh và lãi hoạt động tài chính đã bù lỗ cho hoạt động cốt lõi của KDC trong giai đoạn 2023-2024. Năm 2023, lãi hoạt động tài chính ở mức 313,4 tỷ đồng. Lợi nhuận KDC thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần tại KDF và Calofic là 1.129 tỷ đồng. Tuy nhiên trong năm công ty cũng ghi nhận khoản dự phòng tổn thất đầu tư cho dự án Lavenue là 753,7 tỷ đồng. Năm 2024, lãi từ công ty liên kết đạt 150,4 tỷ đồng, trong đó 134,2 tỷ đến từ KDF, bù đắp cho khoản lỗ 78,7 tỷ từ HĐKD chính.
 - ✓ Kết quả, LNST của cổ đông công ty mẹ của KDC giảm từ 590 tỷ năm 2021, xuống chỉ còn 37,3 tỷ đồng năm 2024.

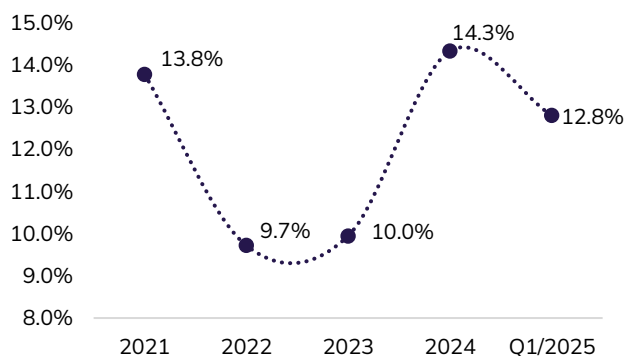
Giá dầu cọ (MYR/T)



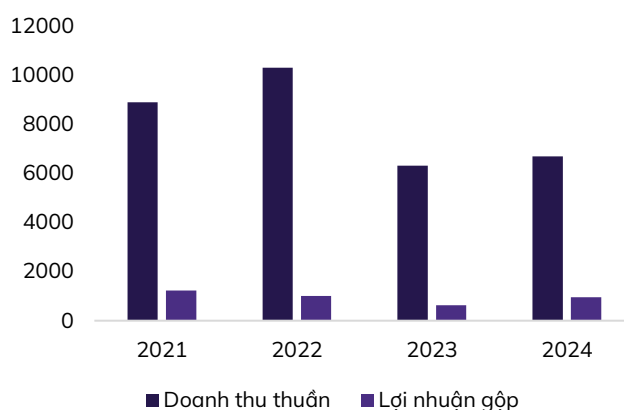
Giá dầu nành (USD/pound)



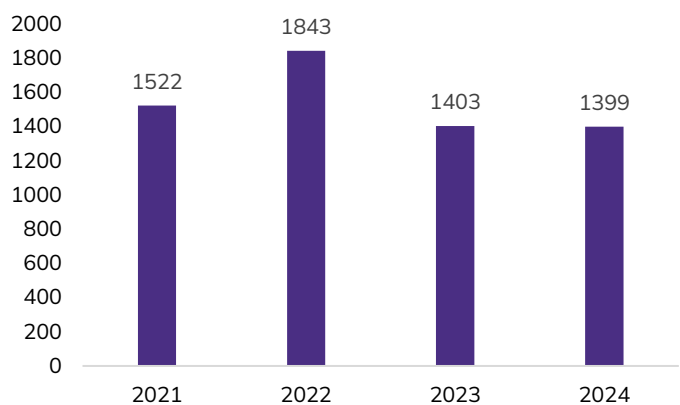
Biên LNG mảng dầu ăn của KDC



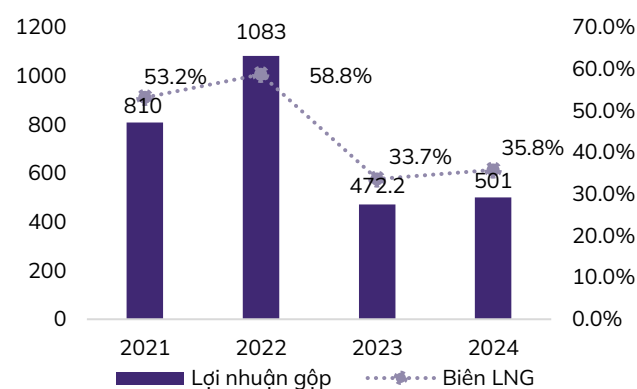
Doanh thu thuần & LNG mảng dầu ăn của KDC



Doanh thu mảng thực phẩm của KDC (tỷ đồng)



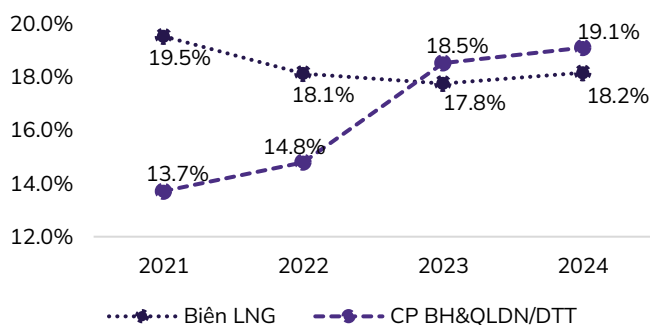
LNG và biên LNG mảng thực phẩm của KDC



Bảng cơ cấu lợi nhuận của KDC

	2021	2022	2023	2024
LN từ hoạt động				
KD cốt lõi	611.70	418.42	-66.93	-78.74
LN tài chính	-33.65	-23.99	313.37	27.60
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	110.47	104.08	75.29	150.35

Biên LNG và chi phí BH&QLDN/DTT của KDC giai đoạn 2021-2024



Nguồn: KDC, Business Insider, ABS Research

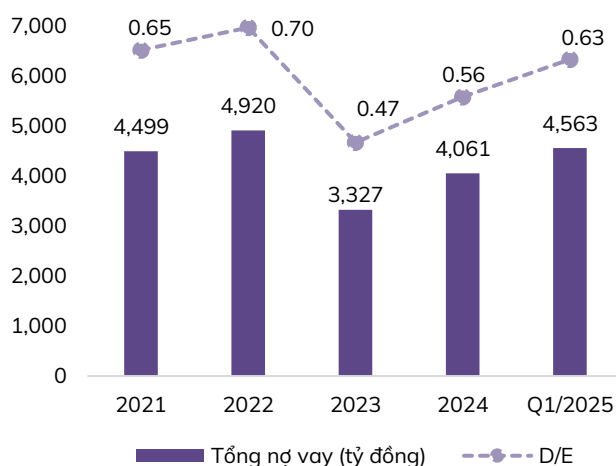
• Dòng tiền HĐSXKD:

KDC ghi nhận dòng tiền từ HĐSXKD âm năm 2021, 2022 và dòng tiền dương lớn cho năm 2023 và 2024. Tuy nhiên, dòng tiền năm 2023 ghi nhận dương chủ yếu đến từ việc KDC không còn hợp nhất KDF, khiến các khoản mục phải thu, hàng tồn kho đều giảm mạnh. Trong khi đó năm 2024, KDC đã hạch toán phần giảm khoản tạm ứng để đầu tư trong phải thu ngắn hạn vào dòng tiền kinh doanh thay vì dòng tiền hoạt động đầu tư, nếu hạch toán đúng khoản mục này, dòng tiền từ HĐSXKD của KDC sẽ tiếp tục âm khoảng 40 tỷ đồng. Q1/2025, dòng tiền HĐSXKD đạt mức khiêm tốn 0,91 tỷ đồng.

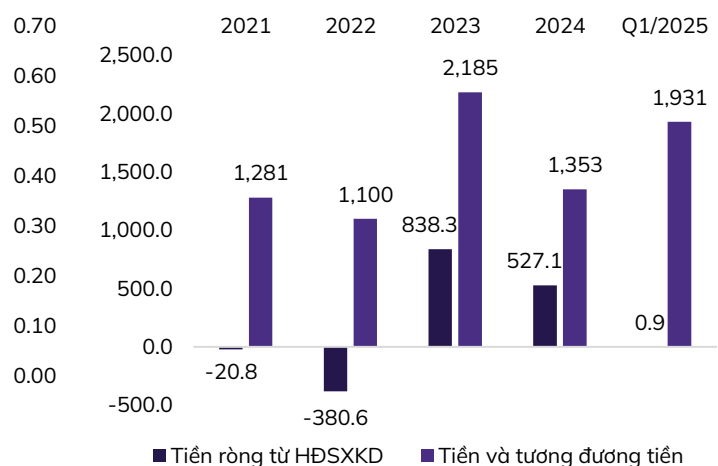
• Tình hình tài chính:

- ✓ Tiền và tương đương tiền tương đối dồi dào. Lượng tiền và tương đương tiền cuối Q1/2025 ở mức 1.931 tỷ đồng (+42,8% sv đầu năm), chiếm 14% TTS. Tuy nhiên lượng tiền tăng thêm không đến từ HĐSXKD mà từ lãi đầu tư và vay nợ. Mặc dù tình hình kinh doanh các năm gần đây có chiều hướng đi xuống, KDC vẫn trả cổ tức đều đặn hàng năm cho cổ đông. Cổ tức năm 2021 là 600 đ/cp, năm 2022 là 1.600 đ/cp, năm 2023 là 600 đ/cp và năm 2024 theo tài liệu họp ĐHCĐ, KDC dự kiến trả cổ tức 1.200 đ/cp, tương đương khoảng 348 tỷ đồng.
- ✓ Tổng khoản phải thu không có có nhiều biến động, ở mức 3.376 tỷ đồng (+0,1% sv đầu năm), chiếm 24,4% TTS. Cơ cấu các khoản phải thu thay đổi với phải thu khách hàng và trả trước người bán giảm lần lượt giảm 17,6% và 87,9% sv đầu năm, ở mức 324 tỷ đồng và 27 tỷ đồng. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu phải thu là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, ở mức 1.883 tỷ (+8,2% sv đầu năm) và tạm ứng để đầu tư 878,7 tỷ đồng.
- ✓ Hàng tồn kho giảm nhẹ 7% sv đầu năm, xuống còn 1.187 tỷ đồng, chiếm 8,6% TTS. Trong đó chí SXKD dở dang giảm 26,6% sv đầu năm, còn 297,8 tỷ đồng; NVL giảm 14,7% sv đầu năm, còn 341,9 tỷ đồng; hàng hóa giảm mạnh từ 185,8 tỷ đồng đầu năm xuống còn 2,8 tỷ đồng do doanh thu hàng hóa quý này tăng mạnh. Trong khi đó thành phẩm tăng 10,7% sv đầu năm, lên 239,9 tỷ đồng, hàng hóa đang đi đường ở mức 291,7 tỷ đồng (+471% sv đầu năm).
- ✓ Giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại cuối Q1/2025 ở mức 2.933 tỷ đồng, tăng 21,3 tỷ đồng sv đầu năm. Trong đó, khoản đầu tư vào KDF ghi nhận 1.092 tỷ đồng (tăng 12,2 tỷ đồng), LG Vina ghi nhận 614,7 tỷ đồng (tăng 8,2 tỷ đồng), Tafoco ghi nhận 67,9 tỷ đồng (tăng 0,9 tỷ đồng) và Lavenue chỉ còn ghi nhận 315,8 tỷ đồng sau khi đã trích lập dự phòng 753,7 tỷ đồng trong năm 2024.
- ✓ Nợ vay tăng: Tổng nợ vay ở mức 4.563 tỷ đồng (+12,4% sv đầu năm), chiếm 33,2% tổng nguồn vốn. Trong đó vay ngắn hạn ở mức 3.423 tỷ đồng (+7,4% sv đầu năm) với 248 tỷ đồng là vay nợ trái phiếu, còn lại là nợ vay ngân hàng, nợ vay dài hạn ở mức 1.140 tỷ đồng (+30,6% sv đầu năm). Tỷ lệ D/E tăng từ 0,56 lên 0,63, vẫn ở ngưỡng an toàn.

Tổng nợ vay & tỷ lệ D/E của KDC



Tiền ròng từ HĐSXKD & lượng tiền cuối kỳ của KDC



Nguồn: KDC, ABS Research

Triển vọng năm 2025

Chúng tôi đánh giá triển vọng doanh thu năm 2025 của KDC sẽ khả quan do mảng dầu ăn, thực phẩm và dịch vụ cho thuê đều có khả năng tăng trưởng do những chính sách kích cầu tăng trưởng kinh tế. Chính phủ đặt mục tiêu GDP năm 2025 trên 8%. Những chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã và sẽ được thực hiện để hoàn thành mục tiêu này sẽ là động lực thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng.

- ✓ Mảng dầu ăn: theo Mordor Intelligence, quy mô thị trường dầu thực vật toàn cầu ước tính đạt 384,89 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 551,79 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 7,47% trong giai đoạn 2024-2029. Đối với thị trường dầu ăn Việt Nam, MPR (Market & Product Research) dự báo doanh thu thị trường dầu ăn Việt Nam năm 2025 ước đạt 0,43 tỷ USD (+5,2% svck), tốc độ tăng trưởng kép trong giai đoạn 2024-2029 (CAGR) dự kiến đạt 7,34%. Với việc sở hữu Tường An là doanh nghiệp đứng thứ hai thị phần dầu ăn Việt Nam và Vocarimex là doanh nghiệp đứng đầu về phân phối NVL dầu ăn công nghiệp, KDC có lợi thế rất lớn để nắm bắt cơ hội tăng trưởng doanh số. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận mảng dầu ăn sẽ cải thiện vào nửa cuối năm khi giá dầu cò giảm do sản lượng sản xuất tại các nước xuất khẩu dầu cò lớn như Malaysia và Indonesia được dự báo tăng trưởng.
- ✓ Mảng thực phẩm: theo Mordor Intelligence, quy mô thị trường bánh kẹo toàn cầu ước tính đạt 203,67 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến đạt 280,56 tỷ USD vào năm 2030, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 5,48% trong giai đoạn 2024-2030. Việt Nam là một trong những thị trường bánh kẹo có tiềm năng nhất khu vực Châu Á, với doanh thu đạt 8,5 tỷ USD vào năm 2023 và tốc độ tăng trưởng hàng năm ước tính là 10,17%, trong đó bánh kẹo sản xuất trong nước vẫn tiếp tục nắm giữ hơn 90% thị phần. Mức tiêu thụ bánh kẹo trên đầu người ở Việt Nam chỉ hơn 2 kg/người/năm, thấp so với mức trên 3 kg/người/năm của thế giới nên Việt Nam là một thị trường vô cùng tiềm năng. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp mảng này của KDC thời gian tới sẽ cải thiện hơn do giá các nguyên liệu đầu vào chính như bột mì, đường dự báo sẽ giảm giá trong khi bột sữa có xu hướng tăng nhẹ (theo dự báo của OECD-FAO)
- ✓ Mảng dịch vụ, trung tâm thương mại kỳ vọng sẽ khả quan do kinh tế tăng trưởng và chi tiêu tiêu dùng được thúc đẩy.

Tuy nhiên chúng tôi quan ngại về khả năng quản lý chi phí của KDC cũng như những vấn đề có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận từ công ty liên kết KDF do tranh chấp bản quyền thương hiệu kem Merino và Celano với Nutifood.

- ✓ Chúng tôi cho rằng KDC hiện vẫn đang chưa tìm được cách thức vận hành và phương hướng kinh doanh hiệu quả, đặc biệt sau khi thoái vốn khỏi KDF. Chi phí BH&QLDN/DTT ở mức cao đã bào mòn rất lớn lợi nhuận của KDC trong thời gian qua.
- ✓ KDF đóng góp rất lớn vào lợi nhuận của KDC từ khi còn hợp nhất cũng như khi trở thành công ty liên kết. Tuy nhiên việc KDC bán cổ phần của KDF cho Nutifood nhưng giữ lại bản quyền của Celano và Merino đã gây ra những tranh chấp kiện tụng giữa hai công ty. Theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường của KDC ngày 24/01/2025, ĐHĐCĐ không thông qua giao dịch bán 24,03% cổ phần do KDC sở hữu tại KDF; quyết định giữ quyền sở hữu nhãn hiệu Merino và Celano tại KDC. Chúng tôi cho rằng dù ĐHĐCĐ bất thường không thông qua, khả năng giao dịch bán cổ phần này khó có khả năng bị đảo ngược do đã được phê duyệt theo thẩm quyền. Tuy nhiên, chúng tôi quan ngại những tranh chấp phát sinh sẽ khiến việc quảng cáo thúc đẩy thương mại cho hai nhãn hàng kem này sẽ gặp nhiều khó khăn và gây ra tổn thất cho KQKD của KDF, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận liên kết của KDC.

Chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ của KDC năm 2025F sẽ đạt 9.362 tỷ đồng (+12,5% svck) và 74,3 tỷ đồng (+99,1% svck). EPS và BVPS 2025F đạt 256 đ/cp và 21.558 đ/cp, tương ứng P/E và P/B đạt 209x và 2,5x ở mức giá hiện tại.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA KDC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	10.497	12.535	8.650	8.324
Giá vốn hàng bán	(8.446)	(10.262)	(7.113)	(6.812)
Lợi nhuận gộp	2.051	2.274	1.536	1.512
Doanh thu tài chính	160	250	1.330	163
Chi phí tài chính	(194)	(274)	(1.017)	(136)
Chi phí bán hàng	(1.197)	(1.446)	(1.181)	(1.135)
Chi phí QLDN	(243)	(409)	(422)	(456)
Lợi nhuận từ HĐKD	689	499	322	99
Lãi/lỗ khác	(6)	(20,2)	(13,5)	(4,1)
Lợi nhuận trước thuế	688	511	323	105
Lợi nhuận sau thuế	653	375	135	67
LNST cổ đông Công ty mẹ	590	363	143	37

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	(21)	(381)	838	527
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(1.243)	(300)	582	(1.534)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	1.443	499	(336)	174
LCT thuần trong kỳ	179	(181)	1.084	(832)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1.102	1.281	1.100	2.185
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.281	1.100	2.185	1.353

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,30	1,29	1,65	1,37
Khả năng thanh toán nhanh	0,71	0,75	1,22	1,03
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,24	0,20	0,52	0,30
Khả năng thanh toán lãi vay	3,44	1,80	(0,28)	(0,60)
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,49	0,50	0,57	0,54
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,51	0,50	0,43	0,46
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,65	0,70	0,47	0,56
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	19,40	15,20	18,74	16,93
Số ngày phải trả	28,63	23,62	25,02	29,95
Số ngày tồn kho	80,25	83,92	84,56	63,05
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,5%	18,1%	17,8%	18,2%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	6,6%	4,0%	3,7%	1,2%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	5,6%	2,9%	1,7%	0,4%
ROE	9,5%	5,4%	2,1%	0,6%
ROA	4,5%	2,6%	1,1%	0,3%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.281	1.100	2.185	1.353
+ Đầu tư ngắn hạn	481	523	619	174
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.552	2.949	2.957	3.351
+ Hàng tồn kho	2.495	2.212	1.072	1.274
+ Tài sản ngắn hạn khác	204	196	131	147
Tài sản ngắn hạn	7.014	6.980	6.964	6.299
+ Các khoản phải thu dài hạn	64	43	22	21
+ Tài sản cố định	2.541	2.628	2.582	2.593
+ Bất động sản đầu tư	5	4	4	1.043
+ Tài sản dở dang dài hạn	168	75	5	65
+ Đầu tư dài hạn	3.953	3.975	2.043	2.253
+ Tài sản dài hạn khác	328	299	771	1.205
Tài sản dài hạn	7.059	7.024	5.427	7.180

Tổng Tài sản	14.073	14.005	12.391	13.480
+ Vay ngắn hạn	3.501	4.168	2.826	3.188
+ Phải trả người bán	779	549	426	692
+ Nợ ngắn hạn khác	1.117	710	962	702
Nợ ngắn hạn	5.397	5.427	4.214	4.582
+ Vay dài hạn	998	752	501	873
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	783	773	562	760
Nợ dài hạn	1.781	1.525	1.063	1.632
Tổng nợ phải trả	7.178	6.952	5.277	6.214
+ Vốn cổ phần	2.797	2.797	2.898	2.898
+ Thặng dư vốn cổ phần	2.971	3.107	3.157	2.292
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.790	1.619	1.518	1.346
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	6.895	7.053	7.114	7.265
Tổng cộng nguồn vốn	14.073	14.005	12.391	13.480

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	26,1%	19,4%	-31,0%	-3,8%
Tăng trưởng LNNT	65,3%	-25,8%	-36,7%	-67,6%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	189,8%	-38,6%	-60,5%	-73,9%
Tăng trưởng EPS	206,3%	-36,7%	-61,9%	-73,9%
Tăng trưởng VCSH	-10,5%	2,3%	0,9%	2,1%
Tăng trưởng Tổng tài sản	14,0%	-0,5%	-11,5%	8,8%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	30,30	47,52	118,81	422,55
P/B	2,60	2,51	2,50	2,38
EV/EBITDA	23,65	30,99	102,92	82,74
EV/Sales	1,98	1,70	2,14	2,30
EPS (đồng/cp)	2.047	1.296	494	129
BVPS (đồng/cp)	23.854	24.499	23.445	22.849

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây